

THỰC TRẠNG MỐI LIÊN QUAN GIỮA KẾT QUẢ HỌC TẬP VỚI CÁC ĐẶC ĐIỂM HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG, TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẠCH MAI

Nguyễn Văn Đạt¹, Nguyễn Quỳnh Châm¹, Nguyễn Thị Thuý Tuyết¹,
Ngô Thuý Anh Ngọc¹, Phạm Ngọc Mai¹
¹Trường Cao đẳng Y tế Bạch Mai

Tóm tắt: Nghiên cứu được tiến hành nhằm mục đích khảo sát thực trạng kết quả học tập và phân tích mối liên quan giữa kết quả học tập với các đặc điểm học tập của sinh viên ngành điều dưỡng, trường cao đẳng y tế Bạch Mai. Nghiên cứu được triển khai đối với 929 sinh viên ngành điều dưỡng tại trường Cao đẳng y tế Bạch Mai, trong đó bao gồm: 340 sinh viên năm thứ nhất; 304 sinh viên năm thứ hai; 285 sinh viên năm thứ ba. Bộ công cụ thu thập số liệu được thiết kế gồm 3 phần, dựa theo bộ câu hỏi và sinh viên hoàn thành khảo sát thông qua Google form. Kết quả khảo sát về: Mối liên quan giữa đặc điểm chung với kết quả học tập của sinh viên; Mối liên quan giữa kết quả xét tuyển đầu vào với kết quả học tập của sinh viên; Mối liên quan giữa công tác chuẩn bị học tập với kết quả học tập của sinh viên; Mối liên quan giữa phương pháp học tập với kết quả học tập của sinh viên; Mối liên quan giữa điều kiện sinh hoạt gia đình và xã hội với kết quả học tập của sinh viên được xử lý qua phần mềm SPSS 20 đã cho kết quả khách quan. Đây là cơ sở để các đơn vị quản lý của nhà trường, giảng viên và sinh viên có những điều chỉnh để nâng cao chất lượng dạy và học.

Từ khóa: thực trạng, y tế Bạch Mai, Sinh viên điều dưỡng, kết quả học tập

THE CURRENT SITUATION OF THE RELATIONSHIP BETWEEN ACADEMIC PERFORMANCE AND LEARNING CHARACTERISTICS OF NURSING STUDENTS AT BACH MAI MEDICAL COLLEGE

Nguyen Van Dat¹, Nguyen Quynh Cham¹, Nguyễn Thị Thuý Tuyết¹,
Ngô Thuý Anh Ngọc¹, Phạm Ngọc Mai¹
¹ Bach Mai Medical College

Abstract: This study was conducted to examine the current state of academic performance and analyze the relationship between academic performance and learning characteristics of nursing students at Bach Mai Medical College. The study was carried out on a sample of 929 nursing students at Bach Mai Medical College, including 340 first-year students, 304 second-year students, and 285 third-year students. The data collection tool was designed with three sections, based on a questionnaire, and students completed the survey via Google Forms. The study analyzed the relationships between: General characteristics and students' academic performance; Admission results and students' academic performance; Study preparation and students' academic performance; Learning methods and students' academic performance; Family and social living conditions and students' academic performance. The collected data were processed using SPSS 20, yielding objective results. These findings serve as a foundation for the school's administrative units, faculty, and students to make necessary adjustments to enhance the quality of teaching and learning.

Keywords: current situation, Bach Mai Medical College, nursing students, academic performance

Nhận bài: 29/12/2024

Phản biện: 21/01/2025

Duyệt đăng: 23/01/2025

I. GIỚI THIỆU

Trường Cao đẳng Y tế Bạch Mai tổ chức đào tạo cao đẳng chính quy ngành Điều dưỡng từ năm 2013, hiện nay đang đào tạo đến khóa thứ 12 ngành Điều dưỡng. Những năm gần đây, trường đã thay đổi nhiều phương thức tuyển sinh; hình thức đào tạo với phương pháp giảng dạy thường xuyên được cập nhật. Tuy nhiên, chưa có một nghiên cứu nào đánh giá về kết quả học tập của sinh viên Điều dưỡng và các yếu tố liên quan. Việc nghiên cứu thực trạng về kết quả học tập của sinh viên sẽ giúp cho cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên trường Cao đẳng Y tế Bạch Mai phát huy các yếu tố tích cực, thuận lợi và hạn chế các yếu tố tiêu cực để góp phần cải thiện và nâng cao

kết quả học tập của sinh viên từ đó nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo của nhà trường

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được triển khai đối với 929 sinh viên ngành điều dưỡng tại trường Cao đẳng y tế Bạch Mai, trong đó bao gồm: 340 sinh viên năm thứ nhất; 304 sinh viên năm thứ hai; 285 sinh viên năm thứ ba.

Bộ công cụ thu thập số liệu được thiết kế theo bộ câu hỏi (thông qua Google form) tự điền bao gồm các thành phần:

Phần 1. Thông tin chung của sinh viên bao gồm: họ và tên, lớp, khóa học, địa chỉ, điểm trung bình chung học tập, điểm rèn luyện, khen thưởng,

học bổng, hình thức xét tuyển.

Phần 2. Bộ câu hỏi về Thông tin đầu tư và phương pháp học tập: các thông tin về ập thời khóa biểu, ghi chép bài, mục đích, mục tiêu, tinh thần, động cơ, thời gian trong quá trình học tập.

Phần 3: Bộ câu hỏi về Thông tin gia đình và xã hội: các thông tin về sự đầu tư, ủng hộ việc học tập từ gia đình, các hoạt động đoàn thể tham gia, làm thêm.

Nghiên cứu của chúng tôi sử dụng bộ câu hỏi khảo sát của tác giả Dickie, M. (1999) đã được tác giả Nguyễn Thùy Dung (2017), Đại học Lâm nghiệp Việt Nam thực hiện Việt hóa, thử nghiệm và nghiên cứu.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Mối liên quan giữa đặc điểm chung với kết quả học tập của sinh viên

Theo kết quả khảo sát cho thấy, sinh viên Nữ có kết quả học tập cao hơn sinh viên Nam, Tỷ lệ sinh viên nữ đạt loại khá trở lên cao hơn đáng kể so với sinh viên nam và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p=0,019$. Sinh viên ở các khu vực sinh sống khác nhau thì có kết quả học tập khác nhau, sinh viên ở thành phố có điều kiện tốt hơn trong quá trình tiếp cận tài liệu, công nghệ, điều kiện về kinh tế do vậy kết quả học tập tốt hơn sinh viên sinh sống ở nông thôn, miền núi ($p<0,05$). Kết quả học tập của sinh viên ở cùng với gia đình và sinh viên ở trọ bên ngoài không có sự khác biệt ($p>0,05$).

3.2. Mối liên quan giữa kết quả xét tuyển đầu vào với kết quả học tập của sinh viên

Kết quả khảo sát cho thấy, có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa kết quả xét tuyển đầu vào với kết quả học tập của sinh viên với $p<0,05$. Sinh viên năm 1,2 xét tuyển theo học bạ có kết quả học tập thấp hơn so với sinh viên xét tuyển bằng điểm thi tốt nghiệp THPT. Kết quả học tập của sinh viên năm 1 số lượng sinh viên đạt loại khá giỏi thấp, tuy nhiên đến năm 2,3 số lượng sinh viên khá, giỏi tăng lên và số lượng sinh viên trung bình và yếu giảm rõ rệt có thể thấy rõ việc sinh viên thích nghi dần với chương trình đào tạo cộng với sự nỗ lực của sinh viên trong học tập.

3.3. Mối liên quan giữa công tác chuẩn bị học tập với kết quả học tập của sinh viên

Kết quả khảo sát cho thấy, công tác chuẩn bị học tập với kết quả học tập của sinh viên cho thấy

những sinh viên có mục tiêu học tập rõ ràng, lập thời khóa biểu, tham khảo kinh nghiệm học tập của khoá trước và xem việc học là ưu tiên hàng đầu có kết quả học tập tốt hơn, sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p<0,05$.

3.4. Mối liên quan giữa phương pháp học tập với kết quả học tập của sinh viên

Kết quả khảo sát cho thấy, các sinh viên tham gia học nhóm, chấp hành giờ lên lớp đúng theo quy định thường xuyên và ghi chép bài đầy đủ có kết quả học tập cao hơn, sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p=0,02$ và $p=0,004$. Phần lớn sinh viên ít trao đổi và thảo luận với giảng viên tuy nhiên kết quả cho thấy không có sự khác biệt đáng kể giữa nhóm có thảo luận với giảng viên và không thảo luận với $p>0,05$.

3.5. Mối liên quan giữa điều kiện sinh hoạt gia đình và xã hội với kết quả học tập của sinh viên

Kết quả khảo sát cho thấy, Sinh viên được gia đình động viên và quan tâm đến kết quả học tập có xu hướng đạt kết quả học tập tốt hơn tuy nhiên sự khác biệt giữa nhóm có được động viên không được động viên từ gia đình không có ý nghĩa thống kê với $p>0,05$. Thu nhập của gia đình không có mối liên quan đáng kể đến kết quả học tập của sinh viên với $p>0,05$. Tuy nhiên, có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa kết quả học tập và tham gia các đoàn thể tại trường và ngoài trường ($p<0,05$) và không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa kết quả học tập của sinh viên có đi làm thêm ở ngoài và không đi làm thêm.

3.6. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên nữ có kết quả cao hơn sinh viên nam Khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0.001$). Kết quả nghiên cứu của chúng tôi tương đồng với nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thùy Dung (2017) cho thấy rằng kết quả học tập theo thang điểm 10 của sinh viên nữ cao hơn đáng kể (mức ý nghĩa thống kê 5%) so với điểm của sinh viên nam. Tác giả Nguyễn Mạnh Hùng và cộng sự (2020) cũng phản ánh sinh viên nữ có kết quả học tập cao hơn sinh viên nam ($p < 0.001$) khi nghiên cứu tại Đại học Kinh tế, Đại học Huế. Điều này có thể lý giải rằng Chương trình học tập của ngành Điều dưỡng chủ yếu là học nhớ kiến thức, nhớ thông tin, ít tính toán suy luận. Phần kiến thức lý thuyết cần học nhiều hơn là tính toán nên đây là lợi thế của sinh viên nữ vì

phần lớn nữ có tính chất siêng năng, cần cù, chịu khó đọc tài liệu và tập trung đến vấn đề học tập hơn sinh viên nam. Mặt khác, các sinh viên nữ thường có kỷ luật, chăm chỉ tham gia khá đầy đủ các buổi học. Do đó kết quả xếp loại học lực của họ thường cao hơn.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy sinh viên ở thành thị có kết quả cao hơn so với sinh viên ở nông thôn và miền núi, khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0.001$). Điều này cũng dễ hiểu khi sinh viên ở thành thị có nhiều điều kiện thuận lợi trong quá trình học tập và rèn luyện, sinh viên có nhiều cơ hội được tham gia học tập trong các điều kiện thuận lợi, tiên tiến hơn so với sinh viên sống tại nông thôn và miền núi.

Nghiên cứu này chỉ ra rằng sinh viên xét tuyển vào trường theo hình thức xét tuyển học bạ có kết quả học tập không tốt bằng sinh viên xét tuyển theo hình thức xét điểm thi trung học phổ thông quốc gia. Kết quả này tương đồng với kết quả nghiên cứu trên sinh viên Trường Đại học Kinh tế Đại học Huế của tác giả Nguyễn Mạnh Hùng và cộng sự (2020). Kết quả hồi quy cho thấy, nếu như tổng điểm tuyển sinh đầu vào tăng thêm 1 điểm, thì điểm trung bình tích lũy KQHT của sinh viên trong năm học thứ nhất sẽ tăng thêm 0,54 điểm, năm học thứ hai sẽ tăng thêm 0,45 điểm và năm học thứ ba là 0,34 điểm, với điều kiện các yếu tố khác ở trong mô hình hồi quy không đổi. Có thể giải thích kết quả này là sinh viên Trường Cao đẳng Y tế Bạch Mai khi xét học bạ là xét điểm tổng kết tất cả các môn của các năm học THPT, khi xét điểm thi TN THPT, Nhà trường lựa chọn các khối ngành liên quan đến tự nhiên nhiều hơn và điều này có thể giúp sinh viên học tốt hơn đối với đặc thù chương trình Y khoa/Điều dưỡng.

Những sinh viên có mục tiêu học tập rõ ràng, lập thời khoá biểu, tham khảo kinh nghiệm học tập của khoá trước và xem việc học là ưu tiên hàng đầu có kết quả học tập tốt hơn những sinh viên khác. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của tác giả Nguyễn Phạm Tuyết Anh (2013). Đinh Thị Thu Huyền (2019), cho thấy Động cơ học tập có mối liên quan với với kết quả học tập điểm tích lũy cả năm của sinh viên với $p < 0,05$ và Phương pháp học tập có mối liên quan với với kết quả học tập điểm tích lũy cả năm của sinh viên với $p < 0,05$. Phương pháp học tập có mối liên quan đến kết quả

học tập. Phương pháp học tập càng cao thì kết quả học tập của sinh viên càng cao. Phương pháp học tập được biểu hiện ở các khía cạnh như sau: tìm hiểu mục tiêu của môn học trước khi môn học bắt đầu; chọn phương pháp học phù hợp với từng môn học; chuẩn bị bài trước khi lên lớp; sưu tầm sách và các tài liệu cần thiết; lập thời gian biểu cho việc học tập. Lập thời gian biểu cho việc học tập bởi học ở đại học, cao đẳng khác với cách học ở phổ thông, sinh viên phải tự đặt kế hoạch học tập cho chính bản thân mình và tự giác thực hiện nghiêm túc kế hoạch đó. Nếu sinh viên thường xuyên lập thời gian biểu cho việc học tập một cách khoa học thì thi hoạt động học sẽ đạt hiệu suất cao và đem lại sự thỏa mãn về tinh thần.

Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy, sinh viên tham gia học nhóm, chấp hành giờ lên lớp và ghi chép bài đầy đủ có kết quả học tập cao hơn, phần lớn sinh viên ít trao đổi và thảo luận với giảng viên. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Thu An (2016) trên 561 sinh viên năm thứ nhất và năm thứ hai, Trường Đại học Công nghệ - Kỹ thuật Cần Thơ. Yếu tố cá nhân, tính chủ động của sinh viên đóng vai trò quyết định trong việc học tập. Hơn thế nữa, ngày nay với sự phát triển của khoa học công nghệ, việc tiếp cận các tài liệu học tập đối với sinh viên là không khó khăn, sinh viên có thể chủ động tìm kiếm các tài liệu học tập và trao đổi thay vì việc chỉ trao đổi với giảng viên. Đi cùng với sự phát triển, là sự đổi mới trong phương pháp giảng dạy, kỹ năng sư phạm của giảng viên. Lớp học đảo chiều, học tập chủ động, người học chủ động tìm hiểu, nghiên cứu bài học trước khi đến lớp thay vì phương pháp học tập thụ động truyền thống. Có sự thay đổi trong vai trò của sinh viên và giảng viên, người giảng viên đóng vai trò là người hướng dẫn. Do vậy, những sinh viên có ý thức chủ động, tích cực trong học tập có thể sẽ có kết quả cao hơn các sinh viên khác.

Kết quả của chúng tôi chỉ ra sinh viên được gia đình động viên và quan tâm đến kết quả học tập, thu nhập của gia đình tốt có xu hướng đạt kết quả học tập tốt hơn tuy nhiên sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$). Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Công Toàn (2014) hay tác giả Đặng Thị Ty và cộng sự (2020). Kết quả của chúng tôi khác với nghiên

cứu của Nguyễn Mạnh Hùng, sinh viên ở cùng bố mẹ có kết quả trung bình học tập thấp hơn các sinh viên không ở cùng gia đình. Chúng tôi cho rằng, những sinh viên không sống cùng gia đình có thể do áp lực gánh nặng về tài chính của gia đình hoặc có khả năng thành lập nhóm học tập dễ dàng hơn, dẫn đến ý thức tự giác, động cơ học tập được xác định rõ ràng hơn cũng như có được sự trao đổi, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm trong quá trình học tập.

Nghiên cứu của chúng tôi chỉ ra sinh viên tham gia các hoạt động đoàn thể tại trường và ngoài trường có kết quả học tập tốt hơn sinh viên không tham gia, có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$). Điều này có thể giải thích, sinh viên tham gia các câu lạc bộ có môi trường trao đổi học hỏi, thường hoạt động năng động, tăng kỹ năng giao tiếp, tăng kỹ năng tư duy giúp cho sinh viên tinh thần thoải mái, tạo điều kiện cho học tập tốt hơn. Kết quả này cũng tương đồng với kết quả nghiên cứu của tác giả Đinh Thị Thu Huyền trên đối tượng sinh viên điều dưỡng chính quy Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định có kết quả cho thấy tham gia câu lạc bộ có mối liên quan với kết quả học tập điểm tích lũy cả năm của sinh viên $p < 0,05$ (OR = 0,22; CI: 0,10-0,48) hay tác giả Norhidayah Ali (2009) các hoạt động ngoại khóa khác nhau có thể có tác động khác nhau đến thành tích của sinh viên. Học tập tích cực, sự chuyên cần của học sinh và việc tham gia vào các hoạt động đã đóng góp tích cực vào thành tích của học sinh. Do đó, một số hành động cần được thực hiện bởi giảng viên và cố vấn học tập để giúp cải thiện kết quả học tập của sinh viên.

Kết quả này khác với nghiên cứu của tác giả Nguyễn Công Toàn (2014) thực hiện trên nhóm sinh viên Khoa Khoa học tự nhiên Trường Đại học Cần Thơ rằng các sinh viên tích cực tham gia các hoạt động đoàn thể có kết quả học tập kém hơn. Có thể lý giải cho sự khác biệt này do sự khác biệt giữa đối tượng nghiên cứu. Đối tượng của chúng tôi là sinh viên học tập tại Trường Cao đẳng Y tế Bạch Mai, các ngành trường đào tạo đều liên quan đến sức khỏe, các câu lạc bộ, hoạt động trong và ngoài trường chủ yếu liên kết giữa các Trường thuộc khối ngành sức khỏe, các bệnh viện, do đó việc trao đổi, chia sẻ kiến thức, tài liệu học tập, kinh nghiệm học tập sẽ dễ

dàng hơn các Trường đào tạo đa ngành khác, sinh viên trong các tổ chức đoàn thể, các hoạt động ngoại khóa là sự góp mặt của sinh viên đa ngành, các hoạt động ngoại khóa phần lớn liên quan đến giao lưu, giải trí. Khác với nghiên cứu của Nguyễn Công Toàn.

Việc đi làm thêm bán thời gian không có mối liên quan với kết quả học tập điểm tích lũy cả năm của sinh viên $p > 0,05$. Kết quả này cũng tương đồng với tác giả Đinh Thị Thu Huyền (2019) hay tác giả Đặng Thị Ty (2018) khi nghiên cứu 454 sinh viên ở các khóa K21, K22, K23 của Khoa Dược Trường Đại học Duy Tân cho thấy sinh viên vừa học vừa làm thêm có kết quả xếp loại học lực cao. Điều này cho thấy, dù sinh viên đi làm thêm có giành một khoảng thời gian trong ngày cho công việc nhưng vẫn không ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên. Sinh viên tranh thủ thời gian rảnh đi làm ngoài kiếm thêm thu nhập, còn được trải nghiệm thực tế cuộc sống, mở rộng các mối quan hệ, biết cách quản lý thời gian. Đây cũng là cách để bạn vừa học vừa tích lũy kinh nghiệm, làm dày kinh nghiệm khi đi xin việc sau này. Kết quả này không tương đồng với nghiên cứu Nguyễn Phạm Tuyết Anh (2013), sinh viên làm thêm cho thấy có nhiều tác động đến kết quả học tập, những tác động đó tập trung vào những yếu tố như giảm thời gian tự học, và ảnh hưởng đến sức khỏe, từ đó làm cho kết quả học tập bị giảm sút kể từ khi sinh viên bắt đầu đi làm thêm. Những tác động cụ thể nhiều hay ít của việc đi làm thêm đến kết quả học tập còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố, đó là số giờ làm việc vào mỗi ngày hoặc mỗi tuần, tùy thuộc vào loại công việc và tính chất công việc, tùy thuộc vào thời gian và sự phù hợp với chuyên môn của sinh viên. Sinh viên dành càng nhiều thời gian cho việc làm thêm vào mỗi tuần thì kết quả học tập sẽ có xu hướng giảm sút. Phần lớn sinh viên đi làm thêm thường bị yếu tố thời gian ảnh hưởng đến việc học như: thời gian học trên lớp, thời gian tự học và thời gian để học bài.

IV. KẾT LUẬN

Nghiên cứu về mối liên quan giữa kết quả học tập và các đặc điểm học tập của sinh viên ngành Điều dưỡng tại Trường Cao đẳng Y tế Bạch Mai đã cung cấp những hiểu biết quan trọng về các yếu tố ảnh hưởng đến thành tích học tập của sinh

viên. Kết quả cho thấy nhiều yếu tố như đặc điểm chung, điểm xét tuyển đầu vào, sự chuẩn bị học tập, phương pháp học tập và điều kiện sinh hoạt gia đình - xã hội đều có mối quan hệ đáng kể với kết quả học tập của sinh viên. Trong đó, sự chuẩn bị học tập và phương pháp học tập đóng vai trò quan trọng trong việc quyết định thành công của sinh viên. Những sinh viên có chiến lược học tập hiệu quả, duy trì kỷ luật học tập và tích cực tham gia các hoạt động học thuật thường đạt kết quả tốt hơn. Bên cạnh đó, sinh viên có môi trường gia đình ổn định, nhận được sự hỗ trợ từ gia đình

cũng có xu hướng đạt thành tích cao hơn. Những phát hiện từ nghiên cứu nhấn mạnh sự cần thiết của các biện pháp can thiệp từ nhà trường và giảng viên nhằm nâng cao kết quả học tập của sinh viên. Nhà trường cần xây dựng các chính sách hỗ trợ phù hợp, trong khi giảng viên nên hướng dẫn sinh viên áp dụng các phương pháp học tập hiệu quả hơn. Việc hiểu rõ những mối quan hệ này sẽ giúp tạo ra một môi trường học tập thuận lợi, nâng cao chất lượng đào tạo ngành Điều dưỡng và góp phần đào tạo đội ngũ nhân lực y tế chất lượng trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Nguyễn Thị Thu An, Nguyễn Thị Ngọc Thứ, Đinh Thị Kiều Oanh và Nguyễn Văn Thành (2016), *Những nhân tố ảnh hưởng kết quả học tập của sinh viên năm I-II Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ*. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, Phần C: Khoa học Xã hội, Nhân văn và Giáo dục: 46 (2016): 82-89].

Nguyễn Phạm Tuyết Anh (2013), *Tác động của việc đi làm thêm đến kết quả học tập của sinh viên trường Đại học Cần Thơ*, Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ, Phần D: Khoa học Kinh tế và Pháp luật:26(2013):31-40)

Nguyễn Thùy Dung, Hoàng Thị Kim Oanh, Lê Đình Hải (2017), *Thực trạng và các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên Khoa Kinh tế và Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Lâm nghiệp*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp tháng 10/2017.

Đinh Thị Thu Huyền, Vũ Thị Là, Vũ Hồng Nhung , Nguyễn Thị Lý, *Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến kết quả học tập của sinh viên đại học điều dưỡng chính quy khóa 14 trường đại học Điều dưỡng Nam Định năm*

Nguyễn Mạnh Hùng, Hoàng Thị Kim Thoa, Nguyễn Thanh Thiện, Phan Thị Bích Hạnh (2020), *các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên hệ chính quy tại trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế*, Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn ISSN 2588-1213 Tập 129, Số 6C, 2020, Tr. 137–150).

Norhidayah Al et al. (2009). *The Factors Influencing Students' Performance at Universiti Teknologi Mara Kedah, Malaysia*. Management Science and Engineering, ISSN 1913-0341 Vol.3 No.4.

Đặng Thị Ty, Hồ Mai Vy, Phạm Thị Ái Vy , Nguyễn Đình Tùng (2020), *Thực trạng kết quả học lực và các yếu tố liên quan đến học lực năm học 2017 - 2018 của sinh viên chính quy ngành Dược học Trường Đại học Duy Tân*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Duy Tân 03(40) (2020) 94-103